

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: BENZENE

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Benzene
- Công thức phân tử:** C₆H₆
- CAS:** 71-43-2
- Mã EC:** 200-753-7
- Tên khác:** Cyclohexatriene, Phenyl hydride
- Sử dụng:** Dung môi hữu cơ, nguyên liệu tổng hợp hóa học, sản xuất nhựa, cao su, sơn, dược phẩm
- Nhà cung cấp tại Việt Nam:**
CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0314051291
SĐT khẩn cấp: 0909.907.861

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

- Flam. Liq. 2 – H225 (Dễ cháy)
- Acute Tox. 4 – H332 (Hít phải có hại)
- Carc. 1A – H350 (Có thể gây ung thư)
- STOT RE 2 – H373 (Có hại cho các cơ quan khi phơi nhiễm lâu dài)
- Asp. Tox. 1 – H304 (Nguy cơ hít phải có thể gây chết)
- Aquatic Chronic 2 – H411 (Độc với sinh vật thủy sinh lâu dài)

Từ cảnh báo: NGUY HIỂM

Biểu tượng nguy hại:     

Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H225: Dễ cháy.
- H332: Hít phải có hại.
- H350: Có thể gây ung thư.
- H373: Có hại cho các cơ quan khi phơi nhiễm lâu dài.
- H304: Nguy cơ tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập đường hô hấp.
- H411: Độc với sinh vật thủy sinh lâu dài.

Câu phòng ngừa:

- P210: Tránh xa lửa, tia lửa, nguồn nhiệt.
- P260: Tránh hít khí, hơi.
- P271: Sử dụng nơi thông thoáng.
- P280: Mang găng tay, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ.
- P301+P310: Nuốt phải, gọi ngay trung tâm chống độc.
- P331: Không gây nôn.
- P403+P235: Lưu trữ nơi mát, bình kín.

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Benzene (C ₆ H ₆)	71-43-2	≥ 95%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- **Hít phải:** Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần, gọi cấp cứu.
- **Tiếp xúc da:** Rửa ngay bằng xà phòng và nước.
- **Tiếp xúc mắt:** Rửa ngay với nước sạch ít nhất 15 phút, đến cơ sở y tế.
- **Nuốt phải:** Không gây nôn, gọi ngay trung tâm chống độc.

Triệu chứng: Buồn nôn, chóng mặt, nhức đầu, kích ứng da và mắt.

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- **Phương tiện chữa cháy:** CO₂, bột, bột khô, bình phun sương.
 - **Nguy cơ cháy nổ:** Dễ cháy, hơi nặng hơn không khí, có thể tạo hỗn hợp nổ.
 - **Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ phòng độc, găng tay, quần áo chống cháy.
-

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Tránh tiếp xúc trực tiếp, đeo bảo hộ đầy đủ.
 - **Biện pháp môi trường:** Ngăn chặn chảy ra cống rãnh, đất hoặc nước.
 - **Thu gom:** Hấp thụ bằng cát, đất hoặc vật liệu khô, đưa vào thùng chứa kín.
-

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Dung môi hữu cơ, tổng hợp hóa học, sản xuất nhựa, sơn, dược phẩm.
 - **Bảo quản:** Nơi mát, khô, bình kín, tránh lửa và ánh sáng trực tiếp.
 - **Không tương thích:** Oxi hóa mạnh, axit mạnh, bazơ mạnh.
-

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (TLV-TWA):** 1 ppm (ACGIH)
 - **Trang bị bảo hộ:**
 - Mắt: Kính bảo hộ kín
 - Da: Găng tay chống hóa chất, áo bảo hộ
 - Hô hấp: Mặt nạ lọc hữu cơ
 - Quần áo: Bảo hộ toàn thân
-

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Lỏng, không màu
Mùi	Đặc trưng, thơm
Điểm sôi	80.1°C
Điểm chớp cháy	-11°C
Tỷ trọng	0.879 g/cm ³ (20°C)
Tan trong nước	0.18 g/100 mL (20°C)
pH	Không áp dụng

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định ở điều kiện phòng.
 - **Điều kiện tránh:** Lửa, nhiệt, ánh sáng.
 - **Chất không tương thích:** Oxi hóa mạnh, axit, kiềm mạnh.
 - **Sản phẩm phân hủy:** CO, CO₂, khói độc.
-

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD₅₀ (chuột, uống):** 930 mg/kg
 - **LC₅₀ (hít, chuột):** 13,000 ppm/4h
 - **Tác hại:** Độc tính cấp tính, gây tổn thương hệ thần kinh, có khả năng gây ung thư, ảnh hưởng tủy xương, máu.
-

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** Độc đối với sinh vật thủy sinh.
 - **Phân hủy sinh học:** Dễ phân hủy.
 - **Tích lũy sinh học:** Có khả năng tích lũy trong sinh vật.
-

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom vào thùng kín, dán nhãn rõ.
 - Xử lý theo quy định về chất thải nguy hại, không thải ra môi trường.
-

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** 1114
 - **Loại nguy hiểm:** 3 (Lỏng dễ cháy), 6.1 (Độc), 8 (Ăn mòn nếu pha với axit mạnh)
 - **Nhãn nguy hiểm:** Flammable (GHS02), Toxic (GHS06), Environmental hazard (GHS09)
-

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Tuân thủ **TCVN 9487:2012**, **Nghị định 113/2017/NĐ-CP** về quản lý hóa chất nguy hại.
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày phát hành SDS:** 26/11/2025
- **Tham khảo:** PubChem CID 241, Sigma-Aldrich SDS, GHS Purple Book.
- Ghi chú:

- Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý

- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát

- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế